TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 145/2024/DS-ST Ngày 23 - 9 - 2024. V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Thơ.
2. Ông Nguyễn Thanh Vũ.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Cẩn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Bông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TL.ST - DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST – DS ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST- DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Huỳnh Thy D, sinh năm 1989; Địa chỉ: 147 T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Huỳnh Thy D là bà Nguyễn Thị Sáu H, sinh năm 1979; Địa chỉ: tổ 46, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng *(Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2024*). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lương Lê Huyền T, sinh năm 1995; Địa chỉ: tổ 1, khối X, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Vào năm 2020 và năm 2022, bà Lương Lê Huyền T có mượn của nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D tổng số tiền 2.511.000.000 đồng *(Hai tỷ, năm trăm mười một triệu đồng)* trong 02 đợt để làm ăn, cụ thể:

+ Đợt 1 - Ngày 25/10/2020: mượn 511.000.000 đồng và cam kết trong 01 năm sẽ hoàn trả (Giấy nhận tiền vào ngày 25/12/2020).

+ Đợt 2 - Ngày 10/10/2022: mượn 2.000.000.000 đồng và cam kết đến ngày 25/12/2022 sẽ hoàn trả (Giấy mượn tiền vào ngày 10/10/2022).

+ Việc giao nhận tiền được các bên thực hiện bằng tiền mặt, bà T nhận đủ tiền là thời điểm bà T viết Giấy nhận tiền và Giấy mượn tiền. Khi đến hạn trả tiền bà T không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà T trả số tiền nợ gốc là 2.511.000.000 đồng và theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, bà T còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm trả kể từ thời điểm quá hạn cụ thể: Đối với khoản vay 511.000.000 đồng: thời điểm bắt đầu chậm trả nợ gốc là ngày 26/10/2021, tính đến thời điểm hiện nay (ngày 23/9/2024) thì thời gian chậm trả là 1064 ngày. Do đó, tiền lãi phát sinh do chậm trả đối với khoản vay này là: 511.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 1064 ngày = 148.960.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng thời điểm bắt đầu chậm trả nợ gốc là ngày 26/12/2022, tính đến thời điểm hiện nay (ngày 23/9/2024) thì thời gian chậm trả là 638 ngày. Do đó, tiền lãi phát sinh do chậm trả đối với khoản vay này là: 2.000.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 638 ngày = 349.589.041 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà T trả tiền còn nợ và lãi đến ngày 23/9/2024 tổng cộng là: 3.009.549.041 đồng, trong đó nợ gốc là 2.511.000.000 đồng và 498.549.041 đồng lãi.

Tại bản trình bày và tại biên bản hòa giải bị đơn bà Lương Lê Huyền T có ý kiến*:* Bà có nợ nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D số tiền tổng cộng là 2.511.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm mười một triệu đồng*), và đề nghị trả mỗi tháng 35.000.000 đồng đến khi hết nợ, bà đề nghị nguyên đơn không tính lãi đối với số tiền nợ gốc trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 116, 117, 275, 351, 463, 466, 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D về việc buộc bị đơn Lương Lê Huyền T phải trả số tiền 3.009.549.041 đồng (trong đó nợ gốc là 2.511.000.000 đồng, nợ lãi là 498.549.041 đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lương Lê Huyền T trả tiền nợ vay cho bà, do đó đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo Thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Biên bản hòa giải ngày 27/7/2024, nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D và bị đơn bà Lương Lê Huyền T thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án, tuy nhiên đến ngày 29/7/2024 nguyên đơn bà D có đơn thay đổi ý kiến và không thống nhất nội dung biên bản hòa giải ngày 27/7/2024. Nên Thẩm phán không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lương Lê Huyền T có đơn hoãn phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà T không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bà Lương Lê Huyền T trả số tiền nợ 2.511.000.000 đồng *(Hai tỷ năm trăm mười một triệu đồng)* nợ gốc.

Theo hồ sơ khởi kiện, tại bút lục số 07, 08, bản tự khai ngày 27/7/2024; biên bản hòa giải bị đơn bà T thừa nhận có mượn tiền bà D theo giấy mượn tiền, giấy nhận tiền và còn nợ số tiền nợ là 2.511.000.000 đồng *(Hai tỷ năm trăm mười một triệu đồng)* nợ gốc; Bị đơn đề nghị được trả nợ gốc mỗi tháng 35.000.000 đồng đến khi trả xong số tiền nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, các bên có lập thành văn bản, có ghi số tiền vay, thời hạn trả tiền, ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi, có thỏa thuận thời gian trả tiền. Đối chiếu với quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ

hạn và không có lãi.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định bà T phải chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho bà D. Bà T vay tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Bị đơn đề nghị được thanh toán nợ gốc thành nhiều lần, nguyên đơn không đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lương Lê Huyền T phải thanh toán số tiền vay là 2.511.000.000 đồng *(Hai tỷ năm trăm mười một triệu đồng)* cho bà Trần Huỳnh Thy D.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán. Bị đơn đề nghị nguyên đơn không tính lãi.

Xét thấy, tại bút lục số 07, 08 giấy vay tiền không thể hiện lãi; bà Lương Lê Huyền T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Huỳnh Thy D, đối chiếu quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%*năm* là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Tại Giấy nhận tiền đề ngày 25/10/2020 và Giấy mượn tiền đề ngày 10/10/2022, mặc dù, các bên không thỏa thuận về lãi suất vay nhưng có ấn định thời hạn trả nợ gốc.

Đối với khoản vay 511.000.000 đồng: tiền nợ gốc quá hạn chưa trả là 511.000.000 đồng; thời điểm bắt đầu chậm trả nợ gốc là ngày 26/10/2021, tính đến thời điểm hiện nay (ngày 23/9/2024) thì thời gian chậm trả là 1064 ngày. Do đó, tiền lãi phát sinh do chậm trả đối với khoản vay này là: 511.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 1064 ngày = 148.960.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng: tiền nợ gốc quá hạn chưa trả là 2.000.000.000 đồng; thời điểm bắt đầu chậm trả nợ gốc là ngày 26/12/2022, tính đến thời điểm hiện nay (ngày 23/9/2024) thì thời gian chậm trả là 638 ngày. Do đó, tiền

lãi phát sinh do chậm trả đối với khoản vay này là: 2.000.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 638 ngày = 349.589.041 đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Huỳnh Thy D, buộc bà Lương Lê Huyền T hoàn trả cho bà Trần Huỳnh Thy D tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2024 là 3.009.549.041đồng *(Ba tỷ, không trăm lẻ chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó:* Nợ gốc là: 2.511.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh do chậm trả tính từ ngày 26/10/2021 đến ngày 23/9/2024 là: 498.549.041 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lương Lê Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.009.549.041 đồng = 72.000.000 đồng + (3.009.549.041 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2% = 92.191.000 đồng. (*Chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn đồng)* án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463 và khoản 1; 4 Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Huỳnh Thy D đối với bị đơn bà Lương Lê Huyền T.

2. Buộc bà Lương Lê Huyền T hoàn trả cho bà Trần Huỳnh Thy D tổng số tiền là 3.009.549.041đồng *(Ba tỷ, không trăm lẻ chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó:* Nợ gốc là: 2.511.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 498.549.041 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Lê Huyền T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 92.191.000 đồng. (*Chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn đồng)*

- Hoàn trả lại cho bà Trần Huỳnh Thy D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.197.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu một trăm chín bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0018872 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(23/9/2024)*, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND thành phố Hội An;*
- *Chi cục THADS thành phố Hội An;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.

Nguyễn Thị Hồng Nhạn